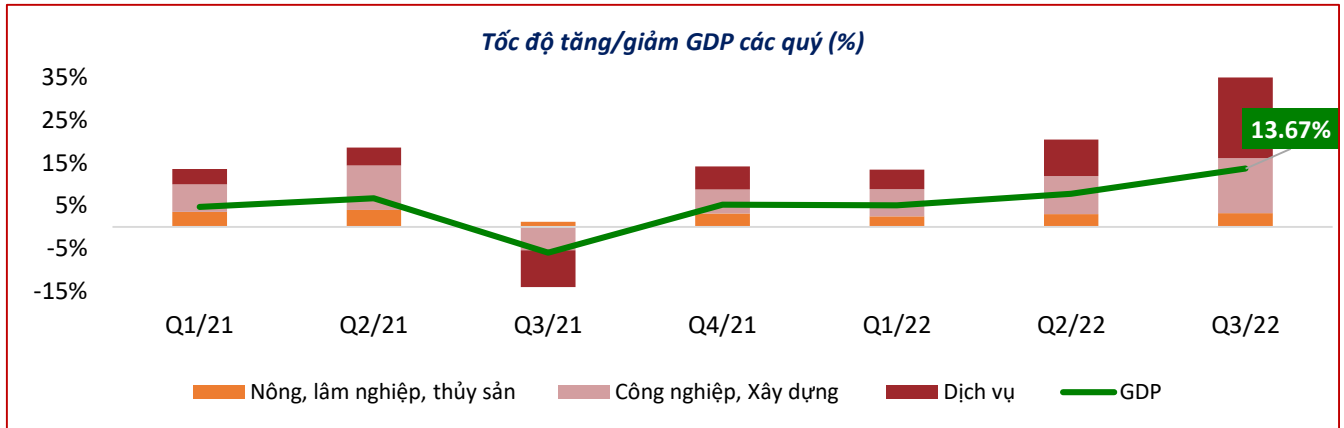


CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ QUÝ III/2022 NHIỀU YẾU TỐ THUẬN LỢI CHO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

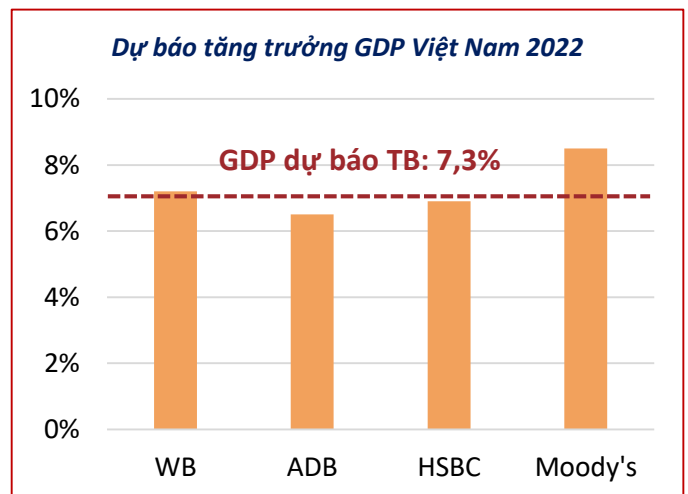
Vừa qua Tổng cục Thống kê đã công bố số liệu vĩ mô Q3/2022 và 9T/2022 với nhiều điểm nhấn đáng chú ý. Agriseco Research kính gửi các anh/chị nội dung chính như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế



Nguồn: GSO, Agriseco Research

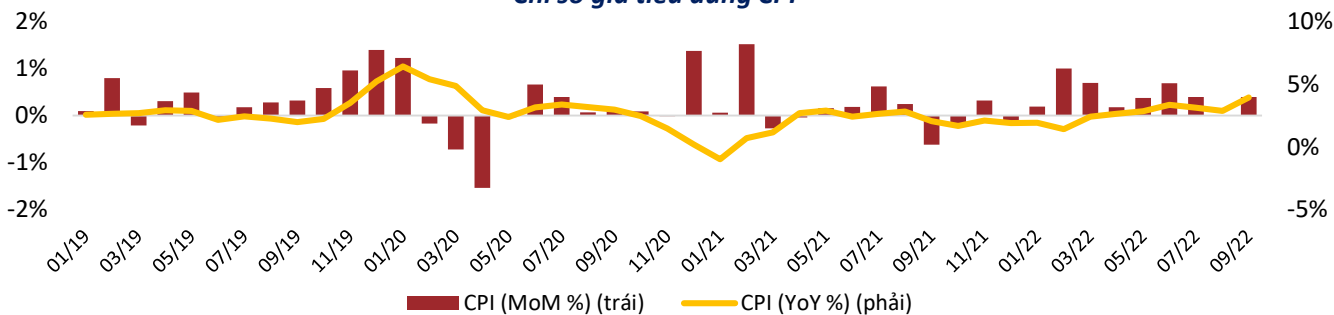
Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
GDP Quý 3	<ul style="list-style-type: none"> +13,67% yoy 	Tăng mạnh do mức nền thấp cùng kỳ năm 2021. Khu vực dịch vụ có mức tăng cao nhất với gần 19% yoy. Trong đó, một số nhóm tăng cao như dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận tải kho bãi.
GDP 9T đầu năm	<ul style="list-style-type: none"> +8,83% yoy 	Đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 12 năm qua kể từ 2011. Hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều ngành khôi phục và có đà tăng trưởng cao so với mức trước dịch như Bán lẻ và tiêu dùng; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Xuất khẩu hàng hóa.



Nguồn: GSO, Agriseco Research

2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và lạm phát

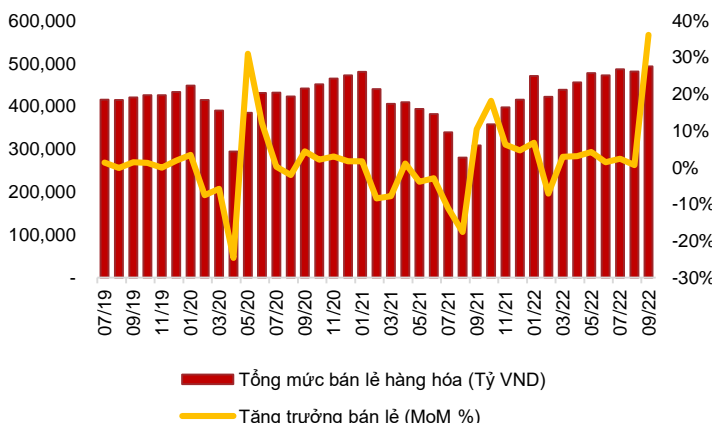
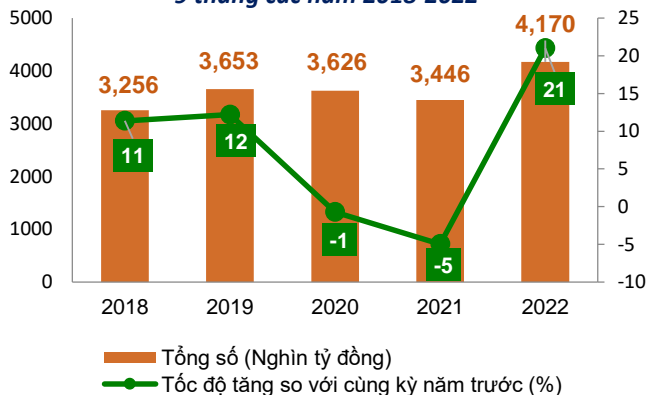
Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
CPI tháng 9	<ul style="list-style-type: none"> +0,4% mom +3,94% yoy 	Tăng do giá cả hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo đà tăng giá nguyên vật liệu đầu vào. Giá học phí tăng ở một số địa phương. Ngược lại, nhóm giao thông giảm 2,21% yoy do các đợt điều chỉnh giá xăng dầu và giá thịt lợn giảm do nguồn cung lớn.
CPI 9T đầu năm	<ul style="list-style-type: none"> +2,73% yoy 	Tăng do giá xăng dầu trong nước tăng hơn 40% yoy và giá cả hàng hóa tăng. Một số yếu tố giúp kiềm chế tốc độ tăng CPI: nhóm giáo dục, viễn thông. Mức tăng trưởng chỉ số CPI cho thấy lạm phát vẫn đang trong tầm kiểm soát.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI


Nguồn: GSO, Agriseco Research

3. Bán lẻ & Tiêu dùng

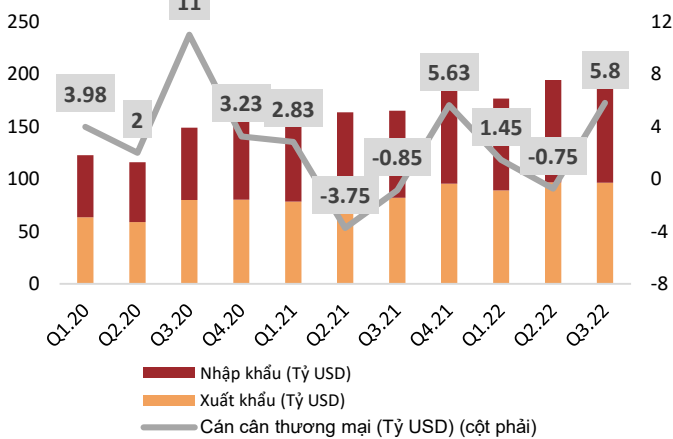
Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
Bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tháng 9	<ul style="list-style-type: none"> Ước đạt 493,1 nghìn tỷ đồng (+2,9% mom và +36,1% yoy) 	Mức tăng so với tháng trước không lớn nhưng tăng mạnh so với cùng kỳ, thể hiện sự hồi phục mạnh mẽ so với giai đoạn giãn cách xã hội Q3/2021.
Bán lẻ hàng hóa, dịch vụ Quý 3	<ul style="list-style-type: none"> Ước đạt 1.450,4 nghìn tỷ đồng (+41,7% yoy) 	
Bán lẻ hàng hóa, dịch vụ 9T đầu năm	<ul style="list-style-type: none"> Ước đạt 4.170 nghìn tỷ đồng (+21% yoy) 	Quy mô và tốc độ tăng trưởng cao hơn so với 9 tháng các năm 2018 – 2022 cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của nhóm này.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa (Tỷ VND)

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng 9 tháng các năm 2018-2022


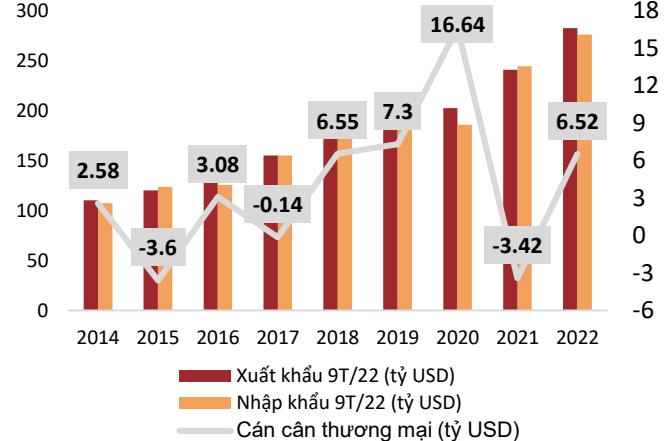
Nguồn: GSO, Agriseco Research

4. Xuất nhập khẩu

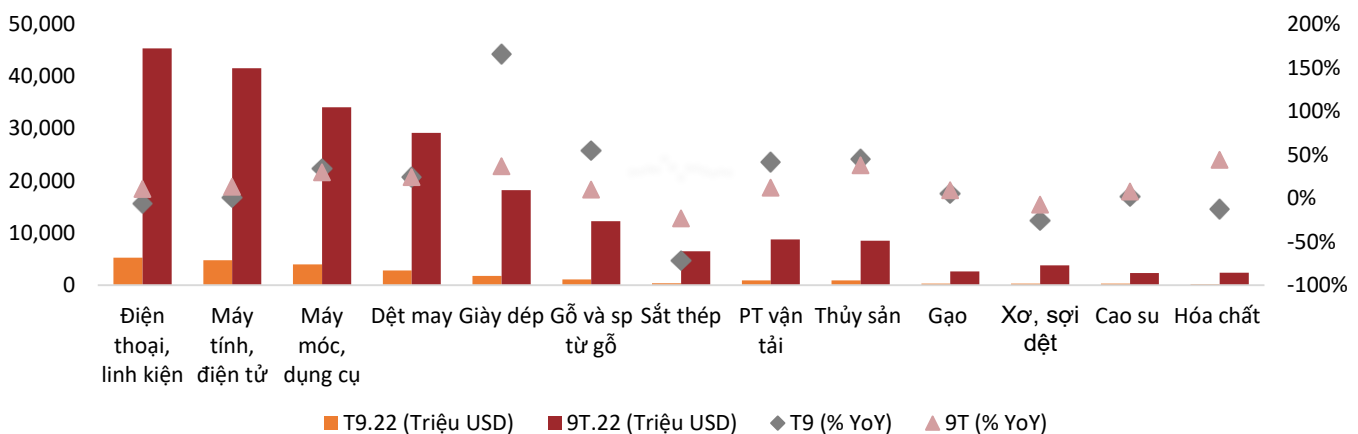
Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
Xuất, nhập khẩu tháng 9	<ul style="list-style-type: none"> Tổng KNXNK: ước đạt 58,74 tỷ USD (-11% mom và +8,4% yoy) Xuất khẩu: 29,94 tỷ USD (-14,3% mom) Nhập khẩu: 28,8 tỷ USD (-7,3% mom) Cán cân thương mại xuất siêu 1,14 tỷ USD 	Tốc độ tăng chậm lại. Trong đó giá trị xuất khẩu giảm 14% chủ yếu ở các mặt hàng điện tử, máy tính, điện thoại.
Xuất, nhập khẩu Quý 3	<ul style="list-style-type: none"> Tổng KNXNK đạt 382 tỷ USD (-4% qoq) Xuất khẩu: 96,5 tỷ USD (-0,2% qoq; +17,2% yoy) Nhập khẩu: 90,7 tỷ USD (-7,1% qoq; +8,1% yoy) Xuất siêu: 5,8 tỷ USD 	Tốc độ tăng chậm lại so với quý trước. Đây là quý có giá trị xuất siêu cao và đóng góp chính vào thặng dư thương mại.
Xuất, nhập khẩu 9T đầu năm	<ul style="list-style-type: none"> Tổng KNXNK đạt 558,52 tỷ USD (+15,1% yoy) Xuất khẩu: 283 tỷ USD (+17% yoy) Nhập khẩu: 276 tỷ USD (+13% yoy) Xuất siêu 6,52 tỷ USD 	Thặng dư nhờ xuất khẩu tăng mạnh một số mặt hàng chính: Thủy sản, Dệt may, Điện thoại. Tuy nhiên, cần lưu ý sự giảm tốc xuất khẩu các tháng gần đây, đặc biệt tại các thị trường đối tác có dấu hiệu suy thoái.

Tình hình xuất nhập khẩu Q3/2022


Nguồn: GSO, Agriseco Research

9 tháng đầu năm 2022 xuất siêu 6,52 tỷ USD


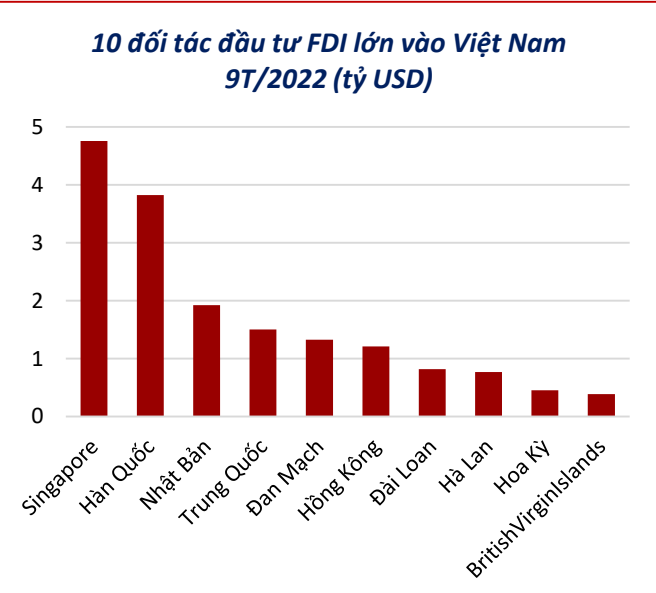
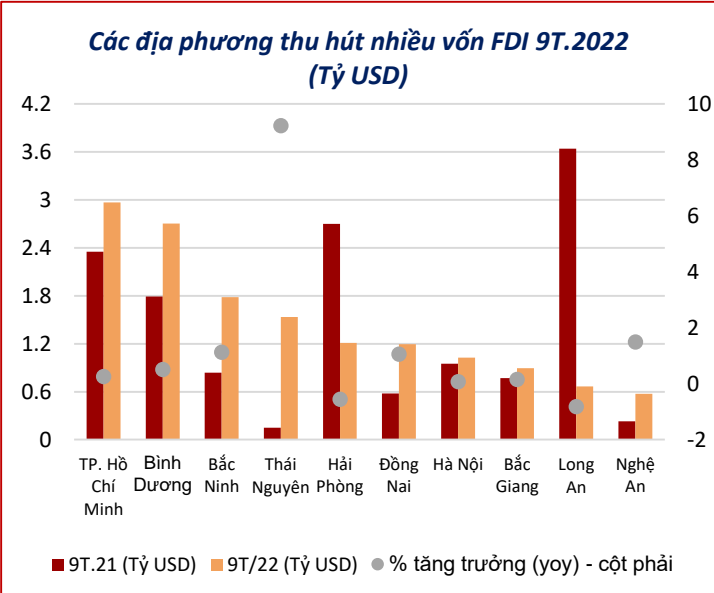
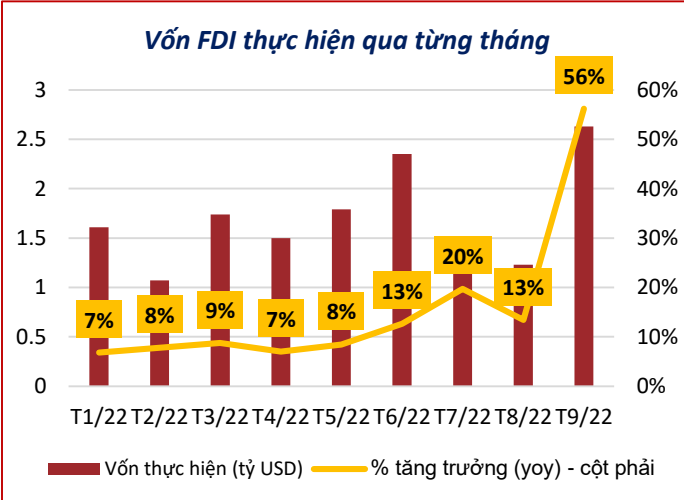
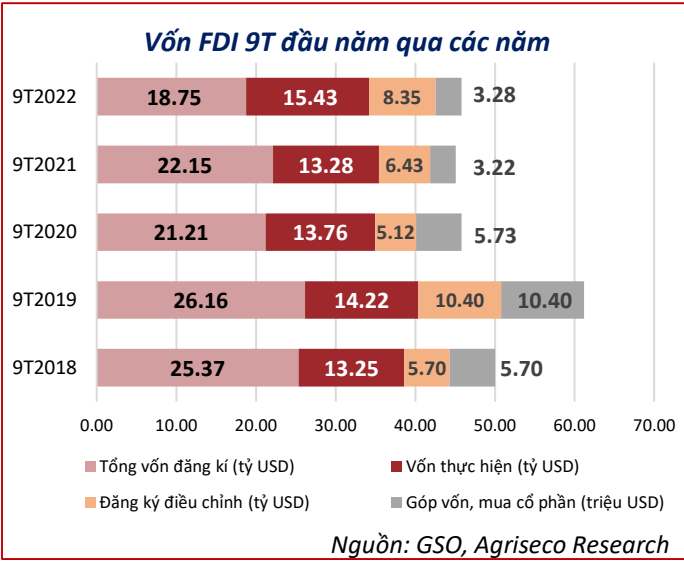
Nguồn: GSO, Agriseco Research

Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu một số nhóm ngành lớn T9 và 9T/22


Nguồn: GSO, Agriseco Research

5. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI

Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> Lũy kế 9T đầu năm đạt 18,75 tỷ USD (giảm 15,3% yoy) 	Tiếp tục giảm do ảnh hưởng bởi đại dịch và các yếu tố địa chính trị. Kỳ vọng sẽ thu hút vốn FDI chất lượng cao trong tương lai.
FDI giải ngân	<ul style="list-style-type: none"> 9T đạt 15,43 tỷ USD (+16,3% yoy) 	Tăng cao nhất trong 5 năm qua nhờ nhiều dự án được triển khai và thể hiện niềm tin của DN vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Giá trị giải ngân tăng cao cũng đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế.
FDI đăng ký mới	<ul style="list-style-type: none"> Vốn: đạt 7,12 tỷ USD (-43% yoy) Dự án: 1.355 (+11,85 yoy) 	Tăng vốn đăng ký mới vào các nhóm chủ lực như công nghiệp chế biến, chế tạo
FDI điều chỉnh, góp vốn	<ul style="list-style-type: none"> FDI điều chỉnh tăng thêm 8,35 tỷ USD (+29,9% yoy) 	Các doanh nghiệp tiếp tục điều chỉnh tăng vốn để đầu tư mở rộng sản xuất.

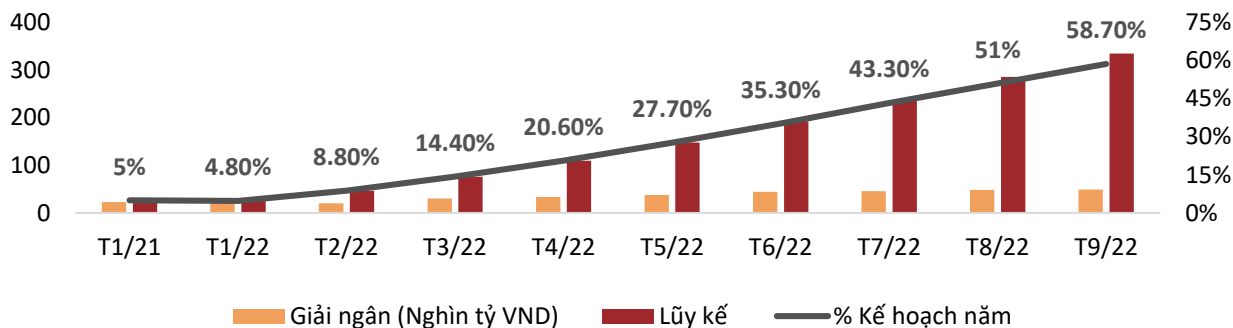


Nguồn: GSO, Agriseco Research

6. Đầu tư công

Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
Đầu tư vốn ngân sách nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN tháng 9 ước đạt 50,3 nghìn tỷ đồng, tăng 60% yoy. Vốn đầu tư công thực hiện từ NSNN 9T/2022 ước đạt 334,5 nghìn tỷ đồng, tăng 19,6% yoy và bằng 58,7% kế hoạch năm (cùng kỳ năm 2021 bằng 55,7% KH). 	Tốc độ giải ngân đầu tư công đã được cải thiện nhưng vẫn chậm hơn kỳ vọng. Hiện nay, Chính phủ đã hoàn thành trên 93% kế hoạch vốn phân bổ cho các dự án đủ thủ tục cho năm 2022. Kỳ vọng tiến độ giải ngân sẽ tăng tốt trong các tháng tới và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

Tình hình giải ngân đầu tư công các tháng năm 2022

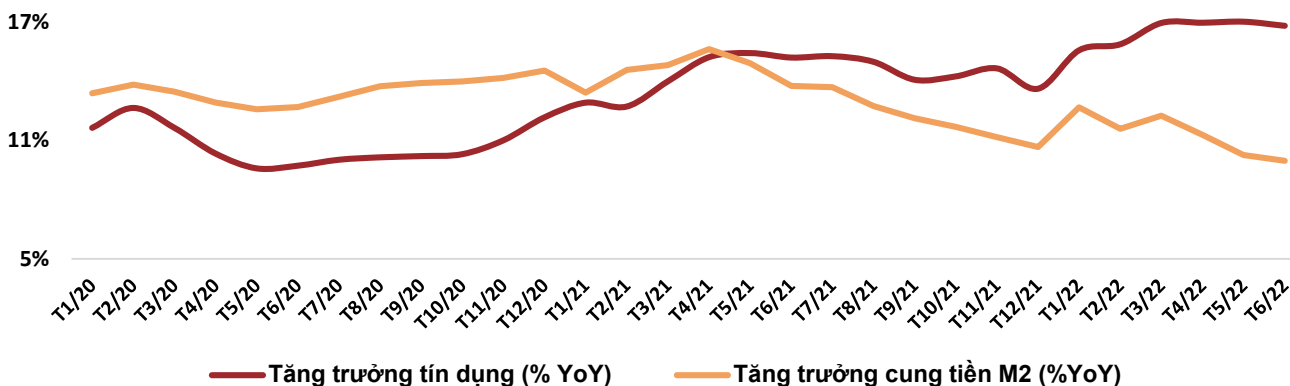


Nguồn: GSO, Agriseco Research

7. Cung tiền và Tín dụng

Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
Cung tiền	<ul style="list-style-type: none"> Tăng 2,49% so với cuối năm 2021 (cùng thời điểm năm 2021 tăng 7,71%). 	Tốc độ tăng trưởng cung tiền thấp là một trong những nguyên nhân chính giúp kiềm chế đà tăng của giá hàng hóa từ đầu năm.
Tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> Tăng 10,54% so với cuối năm 2021 (so với mức 4,95% năm 2021). 	Tăng trưởng tín dụng ở mức khá cao, thể hiện dòng tiền đang quay trở lại hoạt động sản xuất kinh doanh. Dự kiến tiếp tục tập trung vốn tín dụng vào nhóm sản xuất kinh doanh được ưu tiên và kiểm soát ở nhóm tiềm ẩn rủi ro.

Tăng trưởng tín dụng và cung tiền M2 (% yoy)

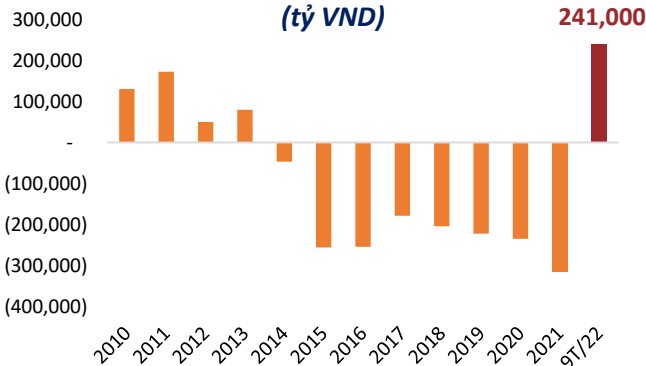


Nguồn: SBV, Agriseco Research

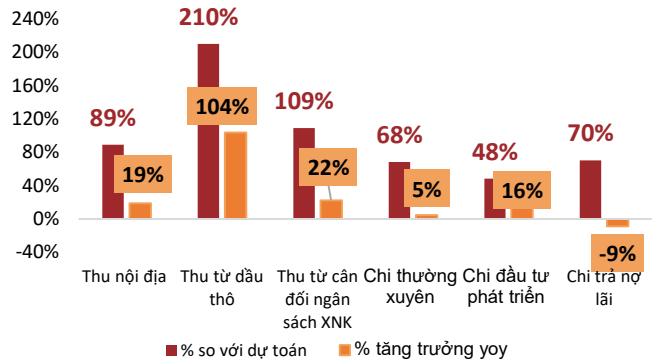
8. Thu chi ngân sách nhà nước

Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
Tháng 9	<ul style="list-style-type: none"> Thu: 94,8 nghìn tỷ VND Chi: 132,7 nghìn tỷ VND Cán cân NSNN bội chi 37,9 nghìn tỷ VND 	Cán cân NSNN bội chi do giảm thu thuế từ dầu thô, nội địa và một phần hoạt động xuất, nhập khẩu. Trong khi đó chi đầu tư phát triển đang được đẩy nhanh để thực hiện các dự án đầu tư công.
9T đầu năm	<ul style="list-style-type: none"> Thu: 1.327,3 nghìn tỷ VND (+22% yoy) Chi: 1.086,3 nghìn tỷ VND (+5,4% yoy) Cán cân NS thặng dư 241 nghìn tỷ VND 	Thặng dư nhờ các khoản thu thuế tăng cao từ thu nội địa các hoạt động kinh doanh bất động sản và xuất khẩu hàng hóa. Tạo dư địa để điều hành chính sách tài khóa.

Cán cân ngân sách 9T/2022 thặng dư (tỷ VND)



Cơ cấu thu, chi 9T/2022 (Tỷ đồng)



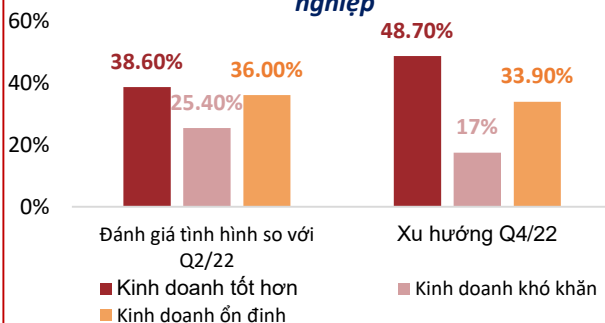
Nguồn: GSO, AGR Research

Nguồn: GSO, AGR Research

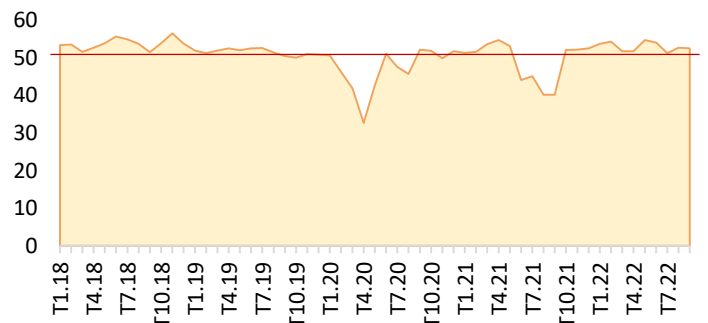
9. Chỉ số PMI

Chỉ tiêu	Kết quả	Đánh giá
Chỉ số PMI tháng 9	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ số PMI tháng 9 (theo IHS Markit) đạt 52,5 điểm – thấp hơn so với mức 52,7 điểm trong tháng 8. Tốc độ đơn đặt hàng mới từ nước ngoài đang tăng chậm lại so với tháng 8 thể hiện nhu cầu tiêu dùng yếu đi tại các thị trường xuất khẩu. 	Chỉ số PMI duy trì trên 50 điểm trong 9 tháng liên tiếp cho thấy sức khỏe ngành sản xuất sẽ tiếp tục được cải thiện. Tuy nhiên, số lượng đơn hàng mới chậm lại có thể khiến các nhà sản xuất hạn chế tăng sản lượng.

Dự báo xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp



Chỉ số PMI Việt Nam



Nguồn: GSO, IHS Markit, Agriseco Research



KẾT LUẬN:

Đánh giá chung:

- Tăng trưởng kinh tế Quý III đạt mức cao kỷ lục với sự hồi phục của ngành dịch vụ là một điểm sáng trong bức tranh âm đảm của kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên cần lưu ý kết quả trên chủ yếu đến từ mức tăng trưởng âm của cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của đại dịch Covid và sẽ khó duy trì được trong các quý tiếp theo. Với kết quả này, chúng tôi dự báo tăng trưởng kinh tế năm nay có thể đạt 8% – 8,5% và vượt mục tiêu đề ra của Chính phủ, thể hiện sự hồi phục xuyên suốt trong các quý gần đây khi đã khống chế được đại dịch.
- Áp lực lạm phát đã và đang hạ nhiệt trong các tháng gần đây nhờ giá xăng, dầu sụt giảm cũng như việc điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, hiệu quả của Nhà nước. Tốc độ tăng trưởng cung tiền đang thấp hơn nhiều so với tăng trưởng tín dụng, thể hiện dòng tiền đang đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và dòng tiền dư thừa đang bị thắt lại, giúp kiềm chế lạm phát. Chúng tôi dự báo lạm phát năm 2022 đạt khoảng 3%, nằm trong ngưỡng mục tiêu của Chính phủ.
- Cho năm 2023, chúng tôi kỳ vọng yếu tố đầu tư công sẽ là nhân tố chính thúc đẩy tăng trưởng khi các động lực khác đang có dấu hiệu suy yếu. Xuất khẩu khó duy trì đà tăng trưởng khi các đối tác lớn đang đối mặt với nguy cơ suy thoái và thực tế đã thể hiện trong kết quả các tháng gần đây. Tiêu dùng tiếp tục hồi phục nhưng khó duy trì tăng trưởng như năm 2022, trong khi vốn đầu tư tư nhân có thể chững lại khi gặp khó khăn trong việc huy động vốn cũng như triển khai các dự án tiềm năng. Áp lực lạm phát cũng có thể tăng cao trong năm 2023 khi sức cầu trong nước hồi phục hoàn toàn, trong khi từ phía nguồn cung có thể bị ảnh hưởng bởi chi phí đẩy khi tỷ giá đang gặp áp lực và diễn biến bất thường từ giá hàng hóa cơ bản toàn cầu.

Cơ hội cho thị trường:

- Việc duy trì đà tăng trưởng cao và lạm phát ở mức thấp có thể giúp Việt Nam là điểm sáng trong khu vực cũng như toàn cầu để thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài. Xu thế dịch chuyển dòng vốn đầu tư khỏi Trung Quốc cũng như khu vực châu Âu (do ảnh hưởng của sự kiện Nga – Ukraine) vẫn đang diễn ra và Việt Nam có cơ hội thu hút dòng vốn dịch chuyển. Điều này tạo cơ hội dài hạn cho nhóm ngành khu công nghiệp và các ngành liên quan. Tuy nhiên nhà đầu tư cần lưu ý xem xét về mặt định giá cũng như dự phóng kết quả kinh doanh để lựa chọn thời điểm giải ngân phù hợp.
- Kết quả kinh doanh Quý III và Quý IV của nhóm bán lẻ, dịch vụ có thể tăng trưởng mạnh mẽ trên nền tăng trưởng thấp của cùng kỳ năm 2021. Điều này cũng đã được thể hiện khi chỉ số bán lẻ Quý III tăng tới trên 40%, khu vực dịch vụ tăng gần 20% - đóng góp chính vào mức tăng trưởng cao của GDP. Khi thị trường tìm được điểm cân bằng thì dòng tiền có thể tìm tới các ngành, doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt và tạo cơ hội tăng giá đối với các cổ phiếu nhóm ngành trên.
- Đầu tư công được kỳ vọng sẽ là động lực tăng trưởng kinh tế giai đoạn tới khi đã tăng tốc trong các tháng gần đây. Điều này có thể giúp nhiều ngành nghề liên quan hưởng lợi như xây dựng, bất động sản, ngân hàng, v.v... Tuy nhiên cần lưu ý là bên cạnh yếu tố tích cực trên thì tùy ngành nghề khác nhau đều đang có những khó khăn riêng, đặc biệt là ngành bất động sản. Vì vậy nhà đầu tư nên cân nhắc kỹ cơ hội và rủi ro đối với từng ngành, mã cổ phiếu cụ thể trước khi giải ngân.
- Mặt bằng định giá thị trường hiện ở mức $P/E \sim 11, x$, là mức rất thấp so với lịch sử cũng như so với các thị trường chứng khoán khác trong khu vực. Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy đã có khoảng 70% số mã cổ phiếu trong nhóm VN30 đã và ở gần vùng giá hấp dẫn. Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô vẫn đang ổn định và tăng trưởng, đây là thời điểm phù hợp để tích lũy dần các khoản đầu tư dài hạn. Việc giải ngân nên đứng trên góc độ thận trọng và phù hợp với khẩu vị rủi ro của từng nhà đầu tư. ([link tham khảo](#)).



KẾT LUẬN:

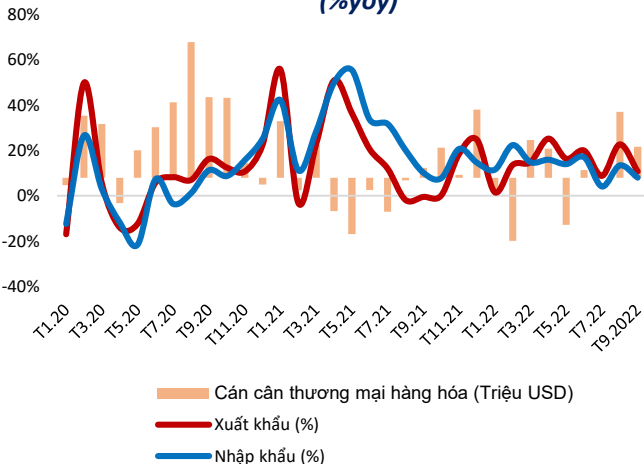
Rủi ro cho thị trường:

- Áp lực từ lạm phát và tỷ giá vẫn đang hiện hữu và các chính sách tiền tệ có thể tiếp tục theo hướng thắt chặt lại, lãi suất đang trên đà tăng. Điều này có thể khiến dòng tiền từ thị trường chứng khoán tiếp tục rút ra để chuyển đổi kênh đầu tư (đặc biệt dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân); tài trợ cho hoạt động kinh doanh, thanh toán gốc, lãi trái phiếu đáo hạn hoặc mua lại trước hạn (dòng tiền từ nhà đầu tư tổ chức).
- Các doanh nghiệp xuất khẩu có thể ghi nhận kết quả chậm lại do ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, bao gồm yếu tố tỷ giá cũng như việc sụt giảm sức cầu từ các thị trường đối tác. Đối với các doanh nghiệp hưởng lợi từ việc tăng trưởng xuất khẩu 2 năm qua có thể gặp trở ngại trong việc duy trì đà tăng trưởng. Đối với những cổ phiếu có tính chu kỳ, yếu tố định giá nên được đặt lên hàng đầu khi xem xét đầu tư.
- Các yếu tố bất định trong và ngoài nước vẫn đang tiếp diễn như xung đột Nga – Ukraine, chính sách Zero-Covid của Trung Quốc, FED tăng lãi suất, lạm phát và suy thoái toàn cầu hoặc sự kiện Vạn Thịnh Phát. Các nhóm cổ phiếu có beta hoặc tính đầu cơ cao có thể gặp áp lực giảm điểm mạnh khi có các thông tin không thuận lợi được công bố.

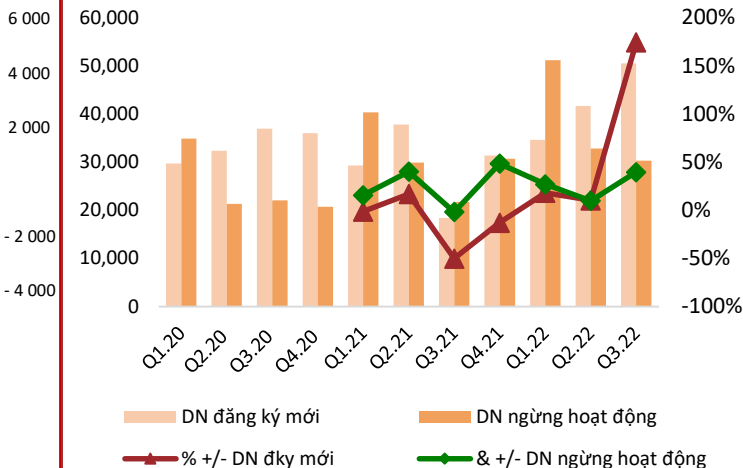


PHỤ LỤC: BỨC TRANH KINH TẾ VĨ MÔ QUÝ II VÀ 6 THÁNG NĂM 2022

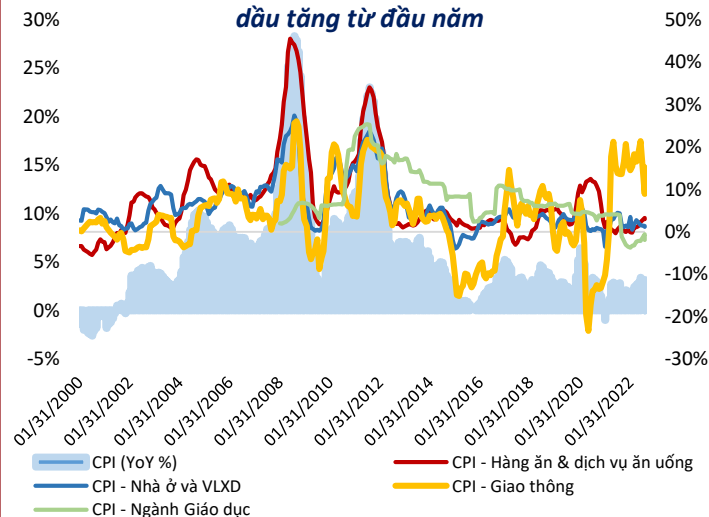
Tăng trưởng xuất nhập khẩu tháng 9 chậm lại (%yoy)



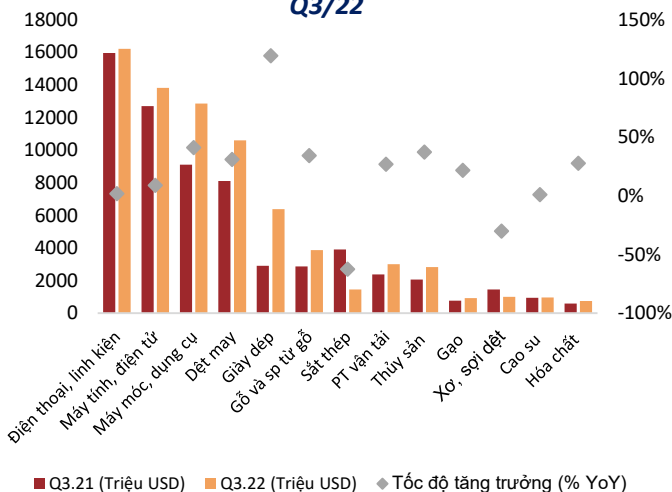
Số doanh nghiệp đăng ký mới tăng mạnh



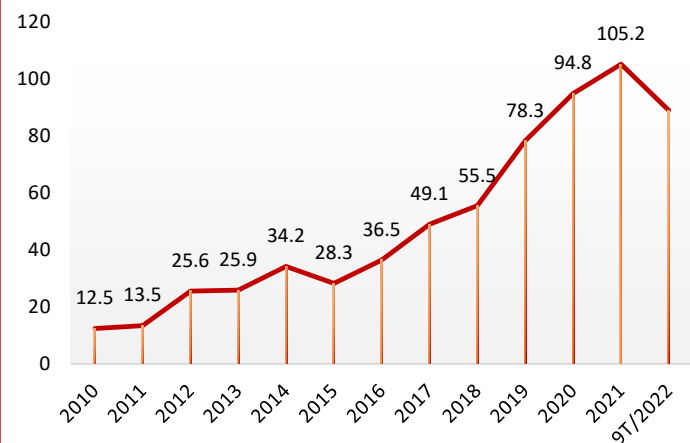
CPI giai đoạn hiện tại tăng chủ yếu do giá xăng dầu tăng từ đầu năm



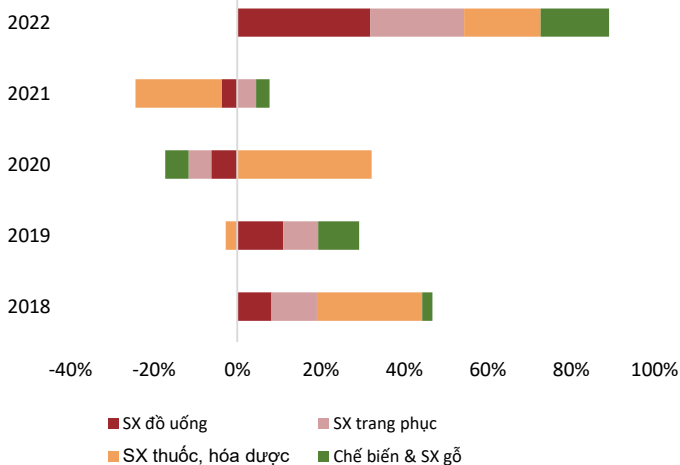
Giá trị xuất khẩu một số nhóm ngành lớn Q3/22



Dự trữ ngoại hối (Tỷ USD)



Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 9T/22 (%)





THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trụ sở chính 0246.2762.666

Tầng 5 tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội.
22 Cơ sở phát triển Dịch vụ tại chi nhánh Agribank khu vực Hà Nội

Miền Bắc 0243.8687.217

Chi nhánh miền Bắc

59 Cơ sở phát triển Dịch vụ đặt tại chi nhánh Ngân hàng Agribank

Tầng 3, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, HN

Bắc Ninh	Tuyên Quang	Nghệ An	Bắc Giang II	Nam Sách	Ngô Quyền
Thái Bình	Thái Nguyên	Lào Cai	Bắc Nam Định	Kinh Môn	Cẩm Giang
Hòa Bình	Hải Phòng	Hà Nam	Vĩnh Phúc II	Thanh Miện	Phù Ninh
Hà Giang	Hải Dương	Hải Dương II	Bình Giang	Tứ Kỳ	Đoan Hùng
Sơn La	Quảng Ninh	Bắc Hải Phòng	Vĩnh Phúc	Gia Lộc	Hạ Hòa
Bắc Giang	Nam Định	Nam Nghệ An	Phủ Thọ II	Ninh Giang	Kim Thành
Lạng Sơn	Thanh Hóa	Tây Quảng Ninh	Hà Nam II	Thành Đông	Dương Kinh
Đồ Sơn	Trần Phú	TP Hải Dương	Hải An	Mạo Khê	Mai Châu
Thanh Ba	Thanh Hà	Phương Lâm	Hưng Yên	Thuận Thành	Thị Xã Phú Thọ II
Uông Bí	Kiến Thụy	Sông Đà	TP. Bắc Ninh	Nam Ninh Bình	

Miền Trung 0236.367.1666

Chi nhánh miền Trung

22 Cơ sở phát triển Dịch vụ đặt tại chi nhánh Ngân hàng Agribank

Tòa nhà Agribank, số 228 đường 2/9, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Hà Tĩnh	Bình Định	Lâm Đồng	Nam Đà Nẵng	Quảng Bình
Đắk Lắk	Phú Yên	Ninh Thuận	Bắc Đắk Lắk	Bắc Quảng Bình
Quảng Nam	Khánh Hòa	Đắk Nông	Đông Gia Lai	
Quảng Trị	Gia Lai	Quảng Ngãi	Bình Thuận	
Huế	Kon Tum	Đà Nẵng	Hà Tĩnh II	

Miền Nam 0283.8216.362

Chi nhánh miền Nam

179A Nguyễn Công Trứ (2A Phó Đức Chính), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

PGD Nguyễn Văn Trỗi

Số 207 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

48 cơ sở phát triển dịch vụ đặt tại chi nhánh Ngân Hàng Agribank

Bạc Liêu	Bến Tre	Tân Phú	Bắc Đồng Nai	An Phú	Sài Gòn
Đồng Nai	An Giang	Phan Đình Phùng	Đông Long An	Thủ Đức 2	Chi nhánh 4
Bà Rịa – Vũng Tàu	Sóc Trăng	Thành Đô	TT Sài Gòn	Sóng Thần	Chi nhánh 7
Tây Ninh	Cần Thơ	Vũng Tàu	Chi nhánh 3	Thủ Đức	Phú Nhuận
Đồng Tháp	Bình Dương	LÝ Thường Kiệt	Tân Bình	Bình Phước	Bình Thạnh
Vĩnh Long	KCN Tân Tạo	Nam Đồng Nai	Chi nhánh 11	Củ Chi	Nhà Bè
Tiền Giang	Xuân Á	Miền Đông	CN Trường Sơn	CSPTDV 10	Gò Công Tiền Giang
Trà Vinh	Phủ Quốc	Chợ Lớn	Sài Gòn	Hóc Môn	DL PGD Quận 5

KHUYẾN CÁO

Bản tin này (gồm các thông tin, ý kiến, nhận định và khuyến nghị nêu trong bản tin) được thực hiện/gửi với mong muốn cung cấp cho nhà đầu tư thêm các thông tin liên quan đến thị trường chứng khoán. Thông tin nêu trong bản tin được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy, tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo các thông tin nêu trong bản tin này là hoàn toàn chính xác và đầy đủ. Bản tin này được thực hiện/gửi bởi chuyên viên và không đại diện/nhân danh Agriseco. Agriseco không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

